CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Chíp Sáng

Ngày **31/12/2025**			
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	86,104 - 131,666
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	
Số lượng CPLH (CP)	8,029,080
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	1.4%
Beta	
EPS	
P/E	

DT thuần
Q4/25
tỷ VNĐ

LN thuần
Q4/25
tỷ VNĐ

LN sau thuế
Q4/25
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT
2025

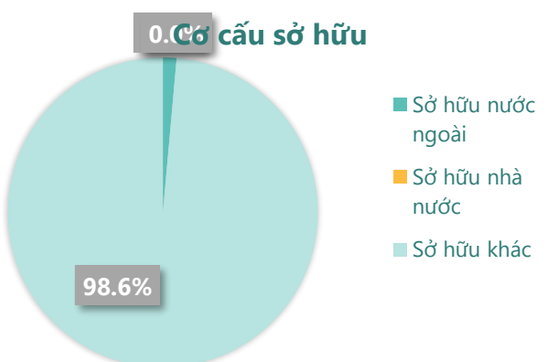
ROE
2025

DT thuần
2025
tỷ VNĐ

LN thuần
2025
tỷ VNĐ

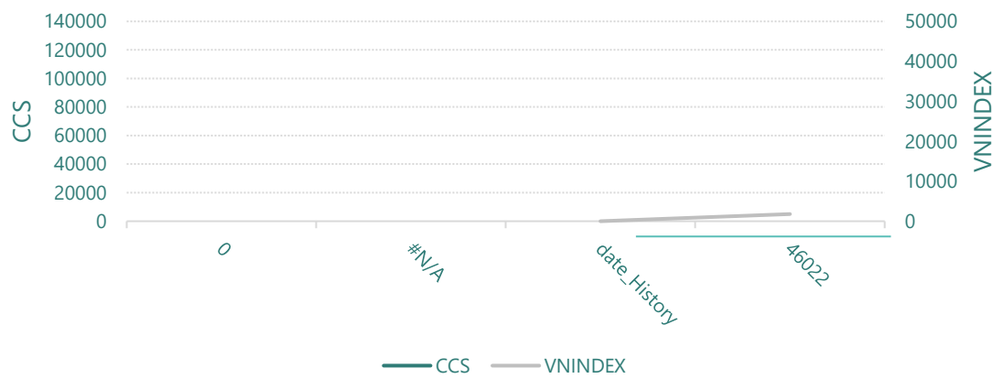
LN sau thuế
2025
tỷ VNĐ

Cơ cấu sở hữu

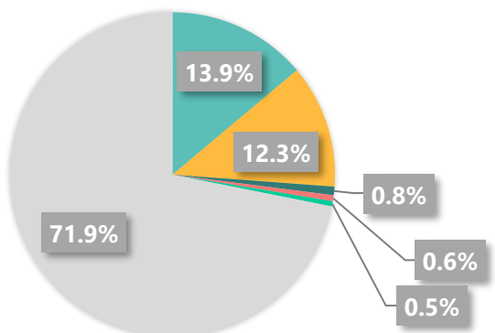


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

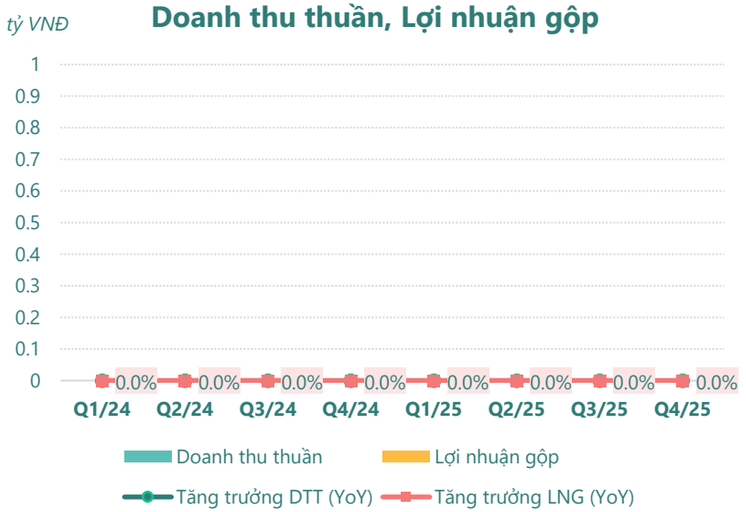


- CTCP Chíp Sáng
- Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh
- Nguyễn Mạnh Hùng (Thành viên HĐQT)
- Phạm Ngọc Tuấn (Chủ tịch HĐQT)
- Phan Mỹ Tuyệt
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

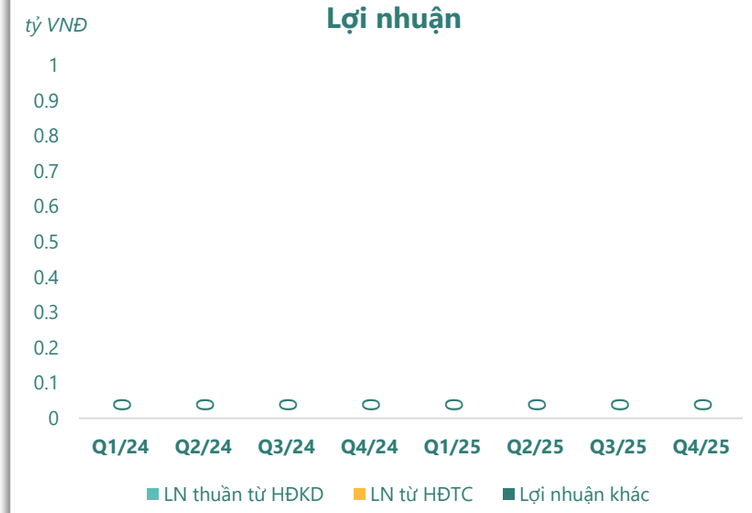
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



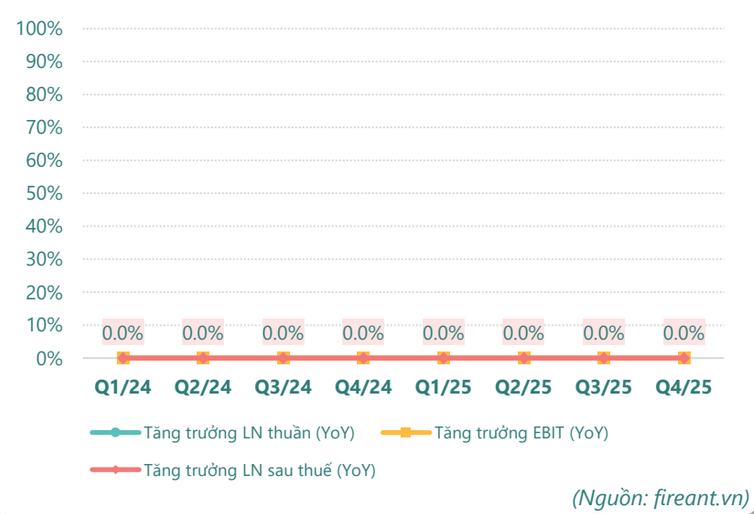
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



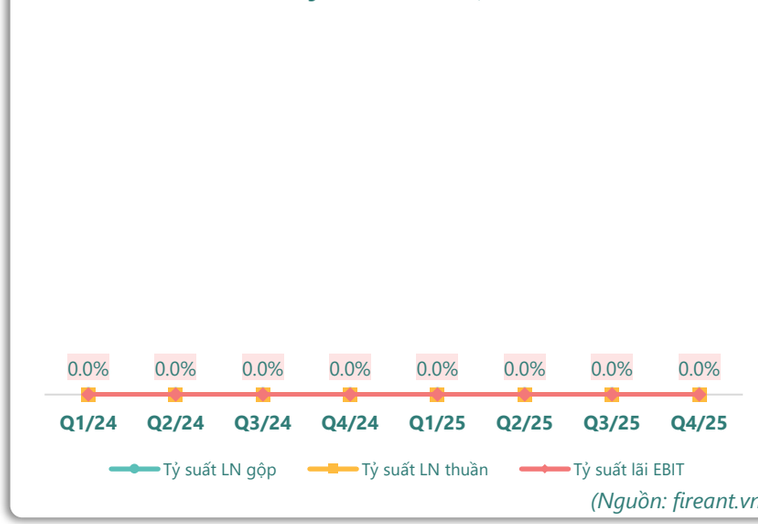
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



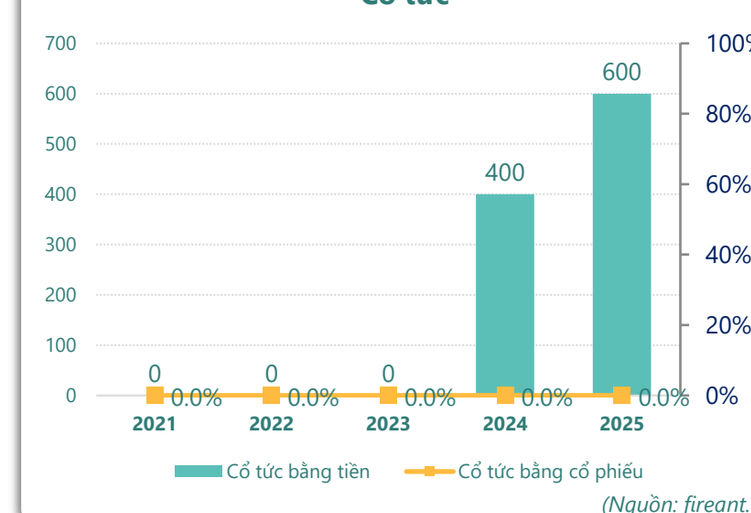
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

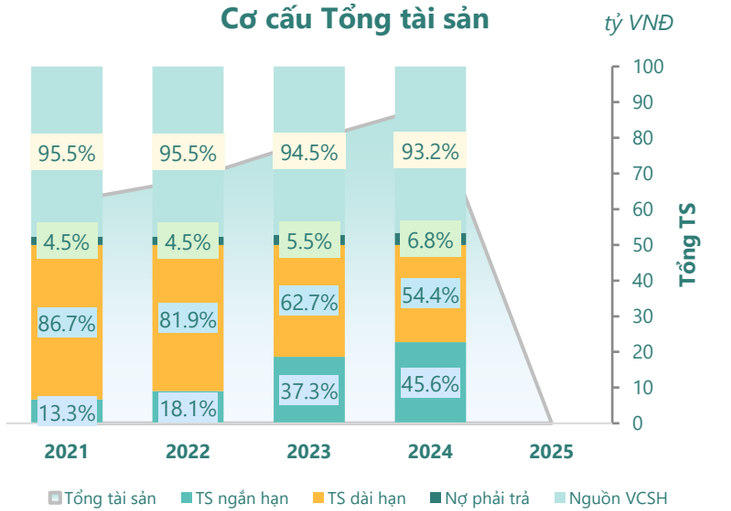
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

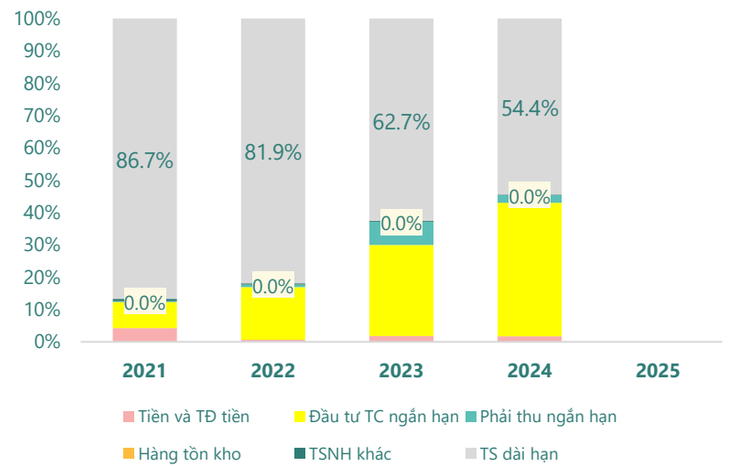
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



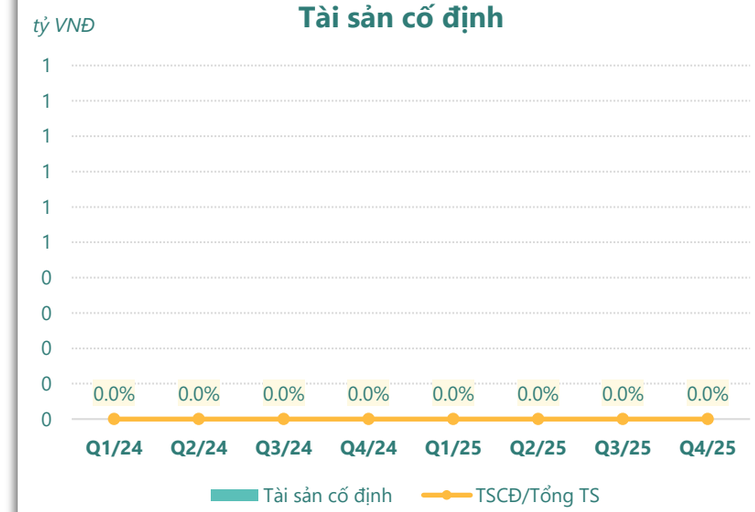
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



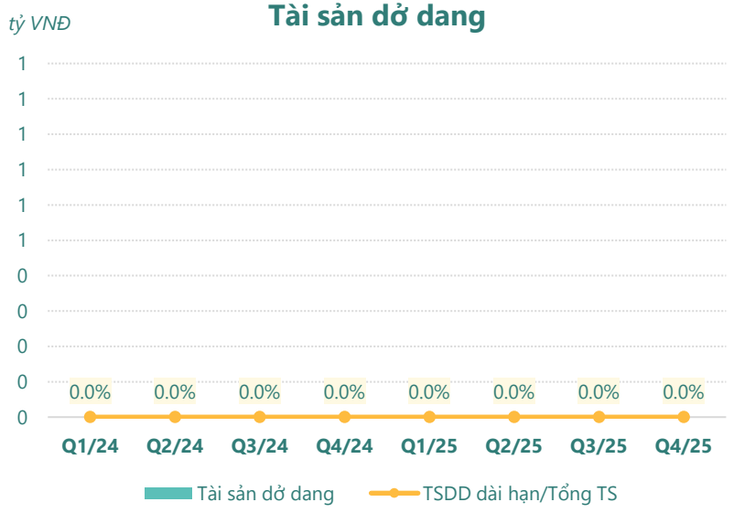
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



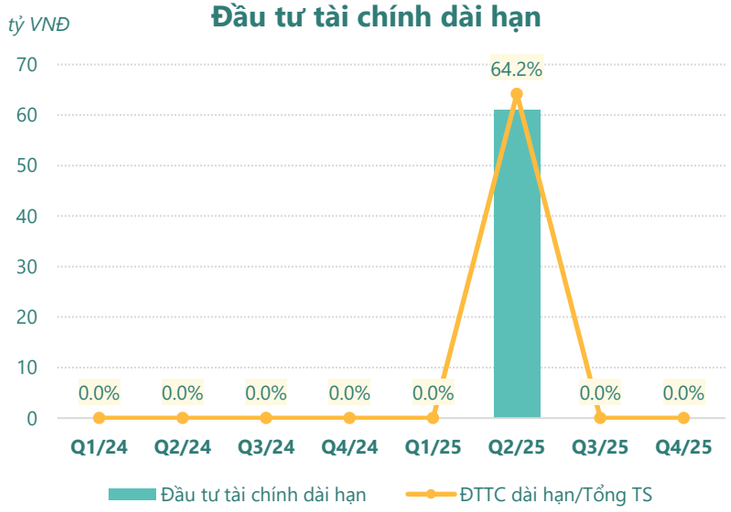
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



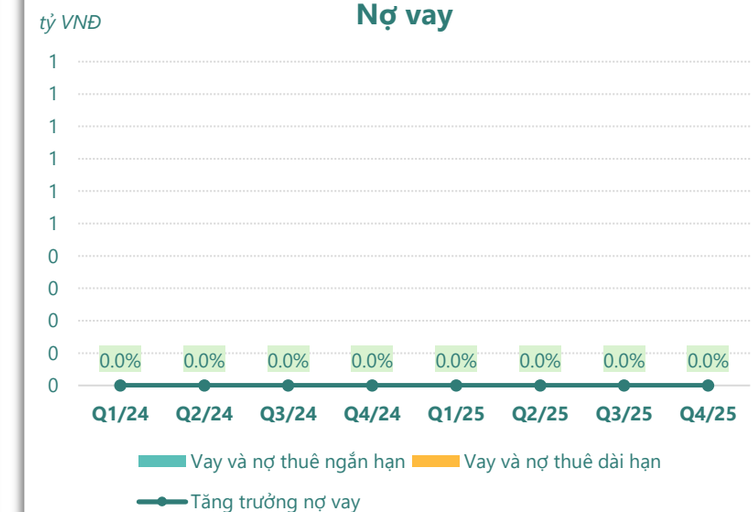
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

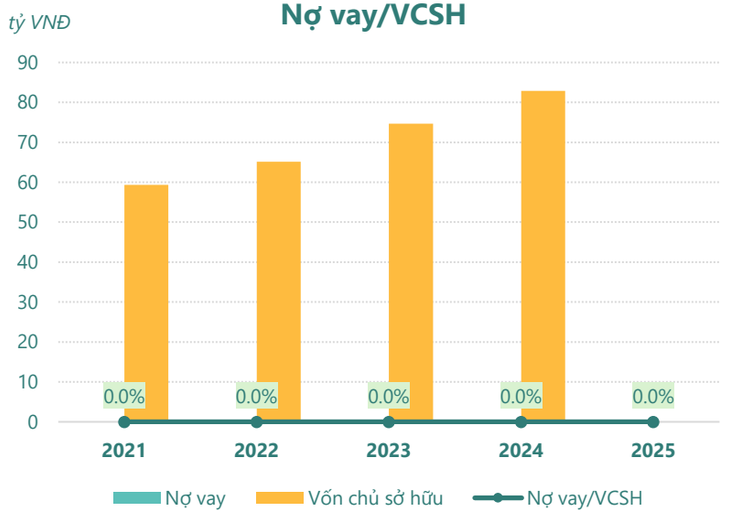
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

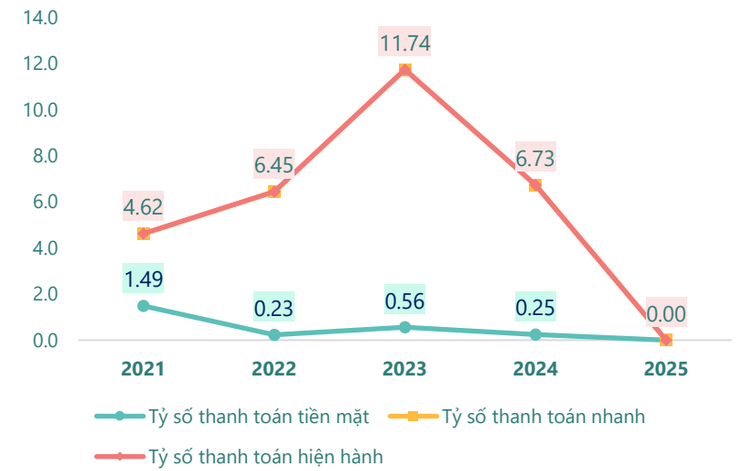
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



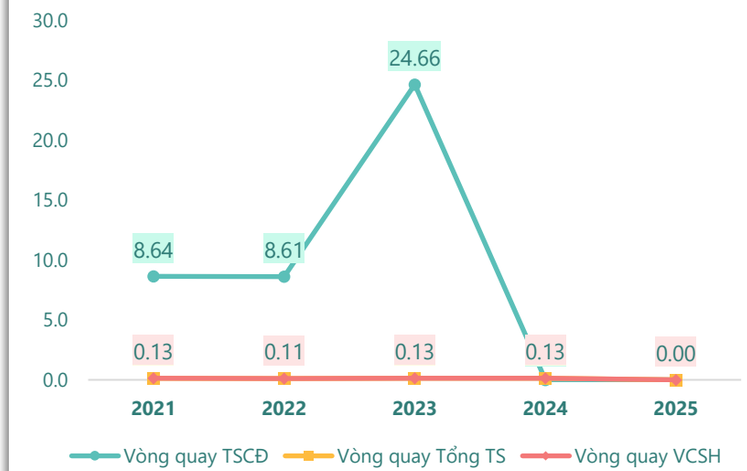
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



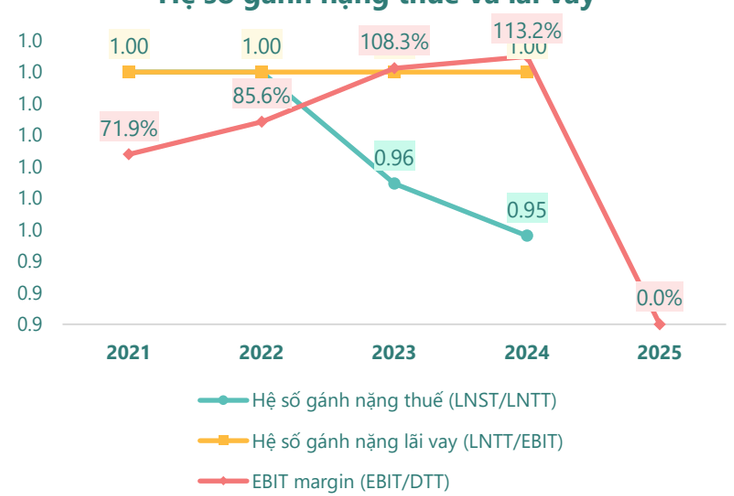
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



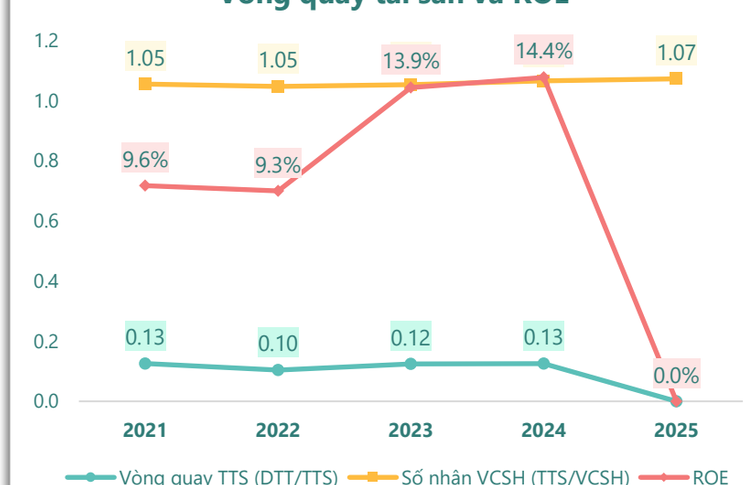
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



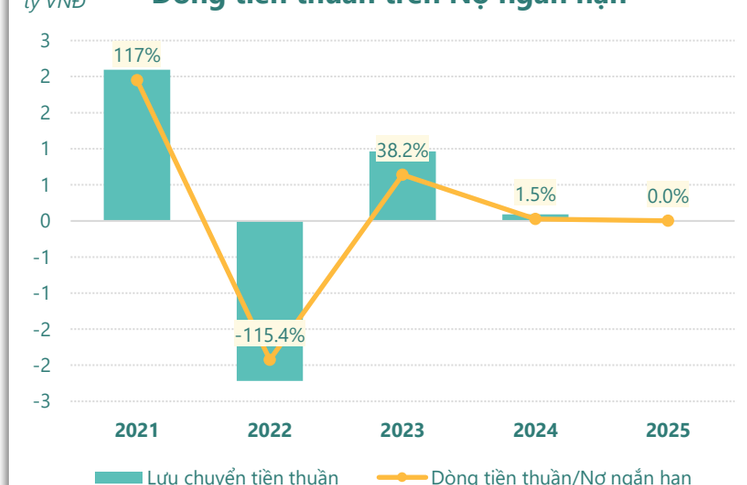
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần					**10.5**	
Giá vốn hàng bán					7.60	
Lợi nhuận gộp					2.94	
Doanh thu HĐTC					8.71	
Chi phí TC					0.07	
Chi phí lãi vay					0	
LN trong công ty LKLD					**2.74**	
Chi phí bán hàng					0.02	
Chi phí QLDN					**2.40**	
LN thuần từ HĐKD					11.9	
Lợi nhuận khác					**0.03**	
LN trước thuế					11.9	
Lợi nhuận sau thuế					**11.3**	
LNST của CĐ cty mẹ					**11.3**	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**0**	**88.9**	**-100%**
Tài sản ngắn hạn	0	40.5	-100%
Tiền và tương đương tiền	0	1.50	-100%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	36.7	-100%
Phải thu ngắn hạn	0	2.16	-100%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.16	-100%
Tài sản dài hạn	**0**	**48.4**	**-100%**
Phải thu dài hạn	0	0.00	-100%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	48.1	-100%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0.27**	**-100%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	0	6.02	-100%
Nợ ngắn hạn	**0**	**6.02**	**-100%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0.46	-100%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**82.9**	**-100%**
Vốn chủ sở hữu	**0**	**82.9**	**-100%**
Vốn điều lệ	0	80.3	-100%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)